|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  TỈNH THỪA THIÊN HUẾ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /2021/NQ-HĐND | *Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2021* |

**Dự thảo lần 1**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ   
KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ ….**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2016;*

*Căn cứu Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư ;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2. Quy định chuyển tiếp**

Các dự án đã được hưởng hỗ trợ đầu tư theo các chính sách trước đây của tỉnh thì tiếp tục được hưởng cho thời gian còn lại. Trường hợp mức hỗ trợ đầu tư thấp hơn thì nhà đầu tư được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết nếu gặp vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, Kỳ họp chuyên đề thứ …… thông qua ngày tháng năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH     Lê Trường Lưu** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đầu tư; trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước có dự án đầu tư (kể cả dự án đầu tư mở rộng) thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2. Đối tượng và áp dụng**

1. Dự án thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này, bao gồm:

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và văn bản hướng dẫn thi hành;

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 800 tỷ đồng trở lên hoàn thành đi vào hoạt động theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư.

d) Dự án có mức nộp ngân sách tỉnh từ hoạt động sản xuất kinh doanh tối thiểu 50 tỷ đồng của năm đầu tiên (không tính thời gian vận hành thử).

đ) Dự án cải thiện môi trường (xử lý nước thải không xả thải nước ra môi trường, sản xuất kinh doanh sản phẩm thân thiện môi trường thay thế nhựa sử dụng 1 lần, xử lý chất thải rắn sinh hoạt không chôn lấp hoặc tỷ lệ chôn lấp nhỏ hơn 5% không phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp).

2. Chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định này không áp dụng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực: thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở;

3. Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 của Quy định này và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ngoài được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản luật có liên quan còn được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Trong cùng thời gian, nếu nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ở các chính sách khác có cùng nội dung ưu đãi, hỗ trợ tại Nghị quyết này thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng một mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Nhà đầu tư bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật đầu tư. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ các hạng mục do Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Mức hỗ trợ sau đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nhà đầu tư theo dự án quy định tại Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa, mức hỗ trợ cụ thể do Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hàng năm và trung hạn.

**Điều 4. Lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư**

1. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư:

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: huyện Nam Đông, huyện A Lưới, *Khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ)*.

b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang, thị xã Hương Trà; *Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ.*

**Chương II**

**CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

**Điều 5. Ưu đãi về thuế và đất đai**

Tỉnh Thừa Thiên Huế cam kết thực hiện theo quan điểm nhà đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất trong khung quy định của pháp luật về thuế và đất đai.

**Điều 6. Hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào**

1. Nhà nước đầu tư xây dựng công trình giao thông, thoát nước kết nối từ địa điểm dự án đến tuyến đường, hệ thống thoát nước chính sẵn có bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Luật đầu tư công phù hợp với quy hoạch được duyệt, quy mô đầu tư đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dự án của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các công trình điện, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ dự án, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện, cấp nước và thông tin liên lạc đáp ứng kịp thời cho các nhà đầu tư đảm bảo hoạt động trong quá trình thi công và vận hành dự án.

3. Công trình kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào được xác định trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư do cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp huyện lập trình UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật đầu tư để làm cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định của Luật đầu tư công.

**Điều 7. Hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng trong hàng rào**

1. Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp được hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư công trình xử lý nước thải tập trung, nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

2. Hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, cụ thể như sau:

a) Đối với phạm vi quy hoạch Khu kinh tế, Khu công nghiệp, khu công nghệ cao:

- Nhà nước tổ chức đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung phù hợp quy hoạch trong khu Kinh tế, khu công nghệ cao theo quy định Luật đầu tư công.

- Nhà nước tổ chức đầu tư xây dựng trục đường chính và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo phù hợp quy hoạch theo quy định của Luật đầu tư công cho các khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc giao cho đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh làm nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng một số khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo khoản 2 Điều 61 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Đối với các cụm công nghiệp được thành lập có nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng:

- Các cụm công nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Nam Đông và huyện A Lưới): hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, giao thông, thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống điện) cho nhà đầu tư không quá 200 triệu đồng/ha và không quá 15 tỷ đồng theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

- Các cụm công nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (thị xã Hương Trà, các huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang): hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, giao thông, thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống điện) cho nhà đầu tư không quá 150 triệu đồng/ha và không quá 12 tỷ đồng theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

c) Khuyến khích các cụm công nghiệp do tổ chức đơn vị sự nghiệp nhà nước quản lý và tổ chức đầu tư xây dựng chuyển sang hình thức lựa chọn nhà đầu tư quản lý cụm công nghiệp để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng hoàn thiện theo quy hoạch, phần hạ tầng kỹ thuật đã được ngân sách nhà nước đầu tư xem như là phần nhà nước đã hỗ trợ đầu tư; nhà đầu tư chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp.

3. Các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp không được tính các khoản chi phí hỗ trợ đầu tư của Nhà nước vào giá cho thuê đất và phí hạ tầng đối với nhà đầu tư thứ cấp.

4. Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh có mức nộp ngân sách tỉnh từ hoạt động sản xuất kinh doanh tối thiểu 50 tỷ đồng của năm đầu tiên (không tính thời gian vận hành thử) hoặc có tổng vốn đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên được ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào (đường nội bộ, thoát nước, hệ thống điện nội bộ) không quá 10 tỷ đồng theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

5. Các dự án đầu tư tái sử dụng nguồn nước thải qua công nghệ xử lý nước tuần hoàn, không thải nước thải ra môi trường được hỗ trợ 30% chi phí đầu tư công trình xử lý nước nhưng không quá 10 tỷ đồng theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

6. Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm ni lông sử dụng 1 lần; dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến, hiện đại không phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp, có tỷ lệ chôn lấp nhỏ hơn 5%, công suất xử lý từ 50 tấn/ngày đêm trở lên được hỗ trợ 30% chi phí đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, thoát nước, hệ thống điện nội bộ) nhưng không quá 10 tỷ đồng theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

**Điều 8. Hỗ trợ giải phóng mặt bằng và rà phá bom mìn, vật nổ**

1. Ưu tiên Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện được ứng vốn Quỹ phát triển đất tỉnh để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất ở Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất và cho thuê đất theo quy định Luật đất đai. Trình tự, thủ tục và hồ sơ ứng vốn, gồm bản cam kết hoàn trả (kèm theo phương án hoàn trả vốn ứng phù hợp với dự án được ứng vốn) được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng vốn Quỹ Phát triển đất tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Hằng năm ngân sách tỉnh trích nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất để bổ sung nguồn vốn cho quỹ phát triển đất tỉnh.

3. Nhà nước tổ chức rà phá bom mìn, vật nổ từ ngân sách nhà nước cho các dự án sau:

a) Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

b) Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và dịch vụ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhưng chưa có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng.

c) Dự án xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp.

4.Trường hợp nhà đầu tư cần thực hiện sớm các hạng mục hỗ trợ theo khoản 3 điều này nhằm đáp ứng tiến độ dự án đầu tư trong điều kiện ngân sách tỉnh chưa kịp bố trí trong kế hoạch vốn hàng năm; nhà đầu tư được chọn hỗ trợ theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

**Điều 9. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư**

a) Các nhà đầu tư có dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng được hỗ trợ chi phí đi lại tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh, cụ thể như sau:

- Không quá 50 triệu đồng/lượt/doanh nghiệp.

- Mỗi doanh nghiệp không quá 01 lượt/năm và 04 lượt trong suốt quá trình hoạt động tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Nguồn hỗ trợ được cấp từ nguồn sự nghiệp xúc tiến đầu tư hàng năm của Tỉnh cho các đơn vị sự nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ tổ chức xúc tiến đầu tư ở nước ngoài chi trả theo quy định.

**Chương III**

**NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ**

**Điều 10. Nguồn vốn hỗ trợ**

1. Ngân sách nhà nước để thực hiện quy định tại Nghị quyết này gồm vốn chi thường xuyên, vốn đầu tư công bố trí cho các ngành, lĩnh vực và đối tượng đủ điều kiện theo quy định Nghị quyết này phù hợp quy định Luật đầu tư công, pháp luật ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ mức vốn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao trung hạn và hàng năm, UBND tỉnh phân bổ chi tiết mức vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hỗ trợ cho nhà đầu tư, các tổ chức, cơ quan có liên quan theo quy định Luật đầu tư công, pháp luật ngân sách nhà nước và quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 11. Cơ chế hỗ trợ đầu tư**

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư khi dự án đầu tư hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng, sản xuất và kinh doanh theo đúng tiến độ cam kết và được UBND tỉnh quyết định phân bổ vốn theo quy định của Luật đầu tư công.

2. Vốn hỗ trợ được giải ngân chưa hết trong năm kế hoạch ngân sách đầu tiên sẽ được chuyển sang năm sau giải ngân tiếp. Trường hợp sau 2 năm mà chưa giải ngân hết thì số vốn còn lại sẽ được điều chuyển cho dự án của nhà đầu tư khác đủ điều kiện hoặc hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Phần vốn hỗ trợ sau đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nhà đầu tư theo quy định Nghị quyết này không tính vào thu nhập chịu thuế của nhà đầu tư.

**Chương IV**

**TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ**

**Điều 12. Cam kết hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư

Nhà đầu tư gửi 03 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ đầu tư (theo mẫu số 1- phụ lục 1).

- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư (bản sao).

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật đầu tư (bản sao).

- Dự án đầu tư (bản sao).

- Các hồ sơ có liên quan (bản sao, nếu có).

2. Trình tự, thủ tục quyết định cam kết hỗ trợ đầu tư:

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để đề nghị hỗ trợ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ (trong đó có thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định của Luật đầu tư công.)

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định cam kết hỗ trợ đầu tư (theo mẫu số 2). Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật đầu tư  và Quyết định cam kết hỗ trợ đầu tư của Uỷ ban nhân dân tỉnh là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ để giao kế hoạch trung hạn và hàng năm hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước.

**Điều 13. Thực hiện hỗ trợ đầu tư**

1.Nghiệm thu hạng mục hỗ trợ

a) Căn cứ đề nghị nghiệm thu của doanh nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc Cơ quan có thẩm quyền (Sở Xây dựng đối với các dự án ngoài Khu Kinh tế, khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh đối với các dự án trong địa bàn Khu Kinh tế và Khu công nghiệp) chủ trì mời các cơ quan liên quan tham gia Hội đồng nghiệm thu.

b) Nội dung nghiệm thu: Nghiệm thu hạng mục, công trình được cam kết hỗ trợ tại Quyết định cam kết hỗ trợ theo Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

c) Biên bản nghiệm thu của hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp, giá trị nghiệm thu không vượt quá mức hỗ trợ tối đa trong quyết định cam kết hỗ trợ của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Ngoài ra các cơ quan nhà nước không được yêu cầu doanh nghiệp bổ sung các văn bản khác.

2. Hội đồng nghiệm thu và biên bản nghiệm thu

a) Cơ quan có thẩm quyền chủ trì mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án tham gia Hội đồng nghiệm thu và tiến hành nghiệm thu theo  Thông tư của Bộ Xây dựng về nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành.

b) Biên bản nghiệm thu hạng mục, dự án hoàn thành theo mẫu số 03, Phụ lục 2 quy định này.

3. Thủ tục nhận hỗ trợ

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị giải ngân vốn hỗ trợ gồm: Biên bản nghiệm thu, quyết định giao vốn của cơ quan có thẩm quyền gửi Kho bạc Nhà nước để được giải ngân khoản hỗ trợ trong vòng 05 ngày làm việc

**Điều 14. Điều kiện hỗ trợ**

- Dự án đầu tư được nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đúng nội dung và tiến độ đã cam kết.

- Trường hợp dự án có lý do chính đáng về việc triển khai chậm tiến độ đã cam kết, nhà đầu tư phải báo cáo giải trình, cam kết lại tiến độ thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét việc gia hạn tiến độ theo quy định Luật đầu tư.

- Nhà đầu tư thực hiện theo đúng trách nhiệm của nhà đầu tư tại Điều 16 quy định này.

**Điều 15. Trách nhiệm của nhà đầu tư**

1. Cung cấp thông tin về tình hình thực hiện dự án, nội dung đề nghị hỗ trợ kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện dự án đầu tư theo đúng tiến độ đã cam kết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc đã được gia hạn theo quy định của Luật đầu tư.

**PHỤ LỤC I**

**CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG**

*(Kèm theo Nghị Quyết số ……/2021/NQ-HĐND, ngày ….. tháng …. năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Đề nghị hỗ trợ đầu tư |
| Mẫu số 02 | Tờ trình thẩm tra hỗ trợ đầu tư và thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn |
| Mẫu số 03 | Quyết định cam kết hỗ trợ đầu tư |
| Mẫu số 04 | Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án đầu tư |
| Mẫu số 05 | Giấy đề nghị thanh toán |

Mẫu số 1

|  |  |
| --- | --- |
| **<TÊN NHÀ ĐẦU TƯ>**  **Số:** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, Ngày……. Tháng…… năm ……* |

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;  - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế; |

Doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp).................................................................. ;

Loại hình doanh nghiệp: .............................................. (theo Luật doanh nghiệp)

Ngành nghề kinh doanh:....................... ........................................................... ;

Trụ sở chính:......................................................................................................;

Điện thoại: ……………….; Fax..................................... ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số ..…..do ………….. cấp ngày ….tháng …..năm ……

**I. ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:**

1. Tên Dự án: ............................................................................................... ;

2. Lĩnh vực đầu tư: ....................................................................................... ;

3. Địa điểm thực hiện Dự án: ....................................................................... ;

4. Mục tiêu và quy mô của dự án: ................................................................. ;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: ...................................................................... ;

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng: ...................................................................... ;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: ....................................... ;

8. Tiến độ thực hiện Dự án theo cam kết: ..................... ....................................;

**II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** (theo Nghị Quyết số …./2021/HĐND-NQ ngày... tháng... năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ):

1. Căn cứ hỗ trợ

2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị**  **tính** | **Khối lượng hạng mục** | **Tổng giá trị công trình (tr.đồng)** | **Giá trị đề nghị hỗ trợ (tr.đồng)** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:**

...........................................................................................................................................

**IV. DOANH NGHIỆP CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | *....., ngày … tháng … năm ….* **Chức danh người đại diện doanh nghiệp** *(Ký tên, đóng dấu)* |

Hồ sơ kèm theo:....

Mẫu số 2

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  **Số:** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, Ngày……. Tháng…… năm ……* |

**TỜ TRÌNH**

Về việc thẩm tra hỗ trợ đầu tư , thẩm định nguồn vốn hỗ trợ đầu tư dự án ……

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứu Luật đầu tư công ngày 19 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số... ngày... tháng… năm…… của doanh nghiệp…. (*tên doanh nghiệp*) đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án ….(*Tên dự án*) và hồ sơ dự án kèm theo;

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra hỗ trợ đầu tư và thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với doanh nghiệp…. *( tên doanh nghiệp)* đầu tư vào Dự án....*(Tên dự án)* theo quy định tại Nghị quyết số ..../2021/NQ-HĐND ngày … tháng … năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

**I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM TRA**

1. Bản đề nghị số ........................................................................................

2. Báo cáo dự án đầu tư ...............................................................................

3. Biên bản kiểm tra thực tế (Đối với dự án thực hiện trước thời điểm đề nghị ưu đãi, hỗ trợ):

4. Ý kiến của các cơ quan liên quan: ................................................................

5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**II. THÔNG TIN DỰ ÁN**

1. Tên dự án: .......................................................................................................

2. Lĩnh vực đầu tư: .............................................................................................

3. Mục tiêu và quy mô dự án: (Mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng ….)

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: (theo quy định của Luật đầu tư)

5. Cấp quyết định đầu tư dự án: (Tên doanh nghiệp)

6. Địa điểm thực hiện dự án: ............................................................................

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: …….(Trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn doanh nghiệp huy động)

8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ: .....................................................

9. Thời gian thực hiện: .........................................................................................

10. Các thông tin khác (nếu có): .........................................................................

**III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP**

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

**IV. Ý KIẾN THẨM TRA, THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ**

1. Nội dung Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng: ..............................................................................................

- Quy mô hạng mục hỗ trợ :

- Mức hỗ trợ: ..........................................................................................................

- Thời gian hỗ trợ: .................................................................................................

2. Nội dung thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:

a) Về nguồn vốn *(ý kiến thẩm định làm rõ sự phù hợp của dự án đối với nguồn vốn đầu tư, có đúng mục đích, đối tượng được đầu tư bằng nguồn vốn dự kiến sử dụng hay không; dự án thuộc ngành, lĩnh vực, đối tượng chính sách đủ điều kiện được bố trí vốn)*;

b) Về cân đối vốn *(ý kiến thẩm định cần làm rõ khả năng bố trí vốn cho dự án trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư trung hạn từng ngành,lĩnh vực, chương trình – đề xuất bổ sung (nếu có), đối tượng chính sách của địa phương theo thứ tự ưu tiên theo quy định pháp luật đầu tư công)*;

c) Mức vốn dự kiến bố trí cho dự án ….. *(cụ thể có thể bố trí cho dự án là bao nhiêu theo từng nguồn vốn cụ thể và thời gian bố trí vốn)*

3. Ý kiến khác: ......................................................................................................

4. Yêu cầu đối với doanh nghiệp khi thực hiện nội dung dự án đề nghị hỗ trợ.

**V. KẾT LUẬN**

Trên đây là ý kiến thẩm tra hỗ trợ đầu tư và thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với doanh nghiệp………… thực hiện Dự án…………………………, kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cơ quan tham gia thẩm tra; - Các cơ quan liên quan khác; - Lưu: …… | **TM. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  **GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

Mẫu số 3

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……/QĐ-UBND | *………….., ngày … tháng … năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cam kết hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư dự án ………**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số … /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về một số quy định thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Xét đề nghị hỗ trợ đầu tư của (tên doanh nghiệp);*

*Xét Tờ trình số /TTr-SKHĐT ngày tháng năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm tra và thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cam kết hỗ trợ đầu tư cho:

Doanh nghiệp: *(tên doanh nghiệp)* ……………………………………………

Loại hình doanh nghiệp: …………………………………………. . . .……….

Trụ sở chính: ……………………………………………………. .……………

Điện thoại: ………………………………….. Fax ………………………….

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số ……….. do ………………………. cấp ngày …………… tháng ……… năm …………..

Khi thực hiện dự án đầu tư:

- Tên Dự án: ………………………………………………… . . . . . . . . . . . …

- Lĩnh vực đầu tư: ……………………………………………. . . . . .…………

- Địa điểm thực hiện: .…………………………………… . . . .………………

- Mục tiêu và quy mô của Dự án ………………………………………………

- Tổng số vốn đầu tư của Dự án: …………………………………… . . . . . .…

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: ……………………………… . . . . . . . . . .….

- Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: ……………………… . . …

- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến: ……………………………… . . . . .……….

- Thời hạn hoạt động của Dự án: ………………………………… . . …………

**Điều 2. Cam kết hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các khoản hỗ trợ sau:**

*(Chỉ ghi các hỗ trợ đầu tư Doanh nghiệp được hưởng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung/ hạng mục công trình | Quy mô công trình | Mức vốn hỗ trợ | Nguồn vốn | Thời gian dự kiến hỗ trợ (năm) | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng: |  |  |  |  |  |

**Điều 3.** Khoản hỗ trợ ………………….. đồng là mức vốn hỗ trợ tối đa. Điều kiệ hỗ trợ, trình tự, thủ tục hỗ trợ dầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số …./2021 /NQ-HĐND ngày …. tháng ….năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Nhà đầu tư (tên doanh nghiệp), các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Quyết định hỗ trợ đầu tư này được cấp cho doanh nghiệp 02 bản chính, các cơ quan liên quan mỗi cơ quan giữ 01 bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -Như Điều 3;  -….. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**  **CHỦ TỊCH (**ký tên, đóng dấu) |

Mẫu số 4

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ **HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU**    **Số:** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, Ngày……. Tháng…… năm ……* |

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH**

1. Dự án (hạng mục công trình): ..........................................................................

2. Địa điểm xây dựng: ..........................................................................................

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Phía Hội đồng nghiệm thu (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan tham gia)

b) Phía doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp)

Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục dự án:

c) Nhà thầu thực hiện

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: …… ngày ….. tháng …. năm …

Kết thúc: …… ngày ….. tháng …. năm …

Tại:...............................................................................................................

5. Đánh giá dự án, hạng mục dự án:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

........................................................................................................................

b) Quy mô, chất lượng dự án, hạng mục dự án (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật);

c) Các ý kiến khác nếu có

6. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục………………đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (để báo cáo); - Các Sở: TC, KH&ĐT,… (để biết); - Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; - Doanh nghiệp nhận hỗ trợ; - Nhà thầu thi công; - Thành viên Hội đồng nghiệm thu; - Các cơ quan liên quan khác; - Lưu: … | **HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU** *(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền chủ trì nghiệm thu)* **DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

 Mẫu số 5

|  |  |
| --- | --- |
| **<TÊN NHÀ ĐẦU TƯ>**  **Số:** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, Ngày……. Tháng…… năm ……* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ.

Doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp) ..............................................................

Trụ sở chính: ................................................................................................

Điện thoại: …………….Fax: .............................................

Tài khoản số ……………………………. tại ..............................................

- Lý do tạm ứng (thanh toán): .........................................................................

- Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

+ Hạng mục hỗ trợ: ........................................................................................

+ ...................................................................................................................

Số tiền đề nghị tạm ứng (thanh toán):………..….

(Viết bằng chữ): ..........................................

- Hồ sơ kèm theo gồm: .......................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** *……* | **CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP** *(Ký tên, đóng dấu)* |